

Bản án số: 64/2021/DS - ST.

Ngày: 27 - 9 - 2021.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rục.

Ông Võ Văn Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-DS ngày 23/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính S; địa chỉ: Số 169, Phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thế K – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L ; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn “giấy ủy quyền số 300/GUQ – NHCS ngày 22/9/2021 của Ngân hàng chính S” (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Trang Thị Ngọc H, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Ấp S, xã Tân Th, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14/9/2014, ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 4.000.000 đồng theo chương trình vay nước sạch vệ sinh môi trường. Mục đích nước sạch vệ sinh môi trường; Thời hạn vay đến ngày 14/9/2020 sẽ thanh toán, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/một lần, mỗi

lần là 800.000 đồng. Lãi suất 0,80%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay và ông Thanh, bà Hạnh đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi vay ông Thanh, bà Hạnh đã thanh toán cho ngân hàng tiền lãi là 1.466.141 đồng.

Ngoài ra, ngày 14/02/2017 ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 10.000.000 đồng theo chương trình vay hộ mới thoát nghèo. Mục đích mua bán tạp hóa; Thời hạn vay đến ngày 14/02/2018 sẽ thanh toán, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/một lần, mỗi lần là 10.000.000 đồng. Lãi suất 0,6875%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay và ông Thanh, bà Hạnh đã nhận đủ số tiền trên. Sau khi vay ông Thanh, bà Hạnh đã thanh toán cho ngân hàng tiền lãi thu là 1.244.377 đồng.

Đến hạn trả nợ, ông Thanh, bà Hạnh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu ông Thanh, bà Hạnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện hai khoản vay nêu trên.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền còn nợ đã quá hạn tính đến ngày 27/9/2021 là 15.606.585 đồng, bao gồm 14.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2021 là 1.606.585 đồng. Đồng thời, phải trả phần lãi từ ngày 28/9/2021 cho đến khi tất toán hết gốc và lãi.

- *Tại phiên tòa ông Trần Văn T trình bày:* Về thời gian, thủ tục vay và lãi suất giống như lời trình bày của nguyên đơn. Ông thừa nhận hiện nay ông và bà Hạnh còn nợ của Ngân hàng chính S số tiền gốc là 14.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2021 là 1.606.585 đồng. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu được trả dần cụ thể mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, Điều 474, Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính S về việc buộc ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền là 5.374.306 đồng; ngoài ra đề nghị áp dụng Điều 290, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính S về việc buộc ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền là 10.232.279 đồng và từ ngày 28/9/2021 phải trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ông Thanh, bà Hạnh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trang Thị Ngọc H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trang Thị Ngọc H vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trang Thị Ngọc H.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền gốc là 14.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với hợp đồng vay xác lập ngày 14/9/2014 với số tiền 4.000.000 đồng: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/9/2014; sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có chữ ký của bị đơn bà Hạnh ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng; hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì và tại phiên tòa ông Thanh thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền trên nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã vay và nhận đủ của nguyên đơn số tiền gốc là 4.000.000. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 4.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hợp đồng vay xác lập ngày 14/02/2017 với số tiền 10.000.000 đồng: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/02/2017; sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có chữ ký của bị đơn bà Hạnh ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng; hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì và tại phiên tòa ông Thanh thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền trên nên Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã vay và nhận đủ của nguyên đơn số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng là phù hợp theo

quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn tạm tính đối với số tiền gốc 4.000.000 đồng tính đến ngày 27/9/2021 là 1.374.306 đồng và lãi quá tạm tính đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng tính đến ngày 27/9/2021 là 232.279 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/9/2014 trong đó xác định lãi suất trong hạn 0,80%/tháng, lãi nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/02/2017 trong đó xác định lãi suất trong hạn 0,6875%/tháng, lãi nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Lãi suất do các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mặt khác, theo bảng kê tính lãi đến ngày 27/9/2021 của nguyên đơn cung cấp thì sau khi vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền vay 4.000.000 đồng là 1.466.141 đồng; số tiền vay 10.000.000 đồng là 1.244.377 đồng. Do vậy, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tạm tính đến ngày 27/9/2021 là 1.606.585 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 28/9/2021, ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4]. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 09/02/2017; sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ có chữ ký của bị đơn bà Hạnh ở mục bên vay. Tuy ông Thanh không ký nhưng mục đích vay số tiền gốc là 14.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình, tại phiên tòa ông Thanh đồng ý cùng bà Hạnh trả số tiền trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nguyên đơn yêu cầu ông Thanh có trách nhiệm liên đới cùng bà Hạnh có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi như trên là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách dư nợ tính đến ngày 27/9/2021 số tiền vay gốc là 14.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 27/9/2021 là 1.606.585 đồng. Tổng

cộng là 15.606.585 đồng nên yêu cầu của bị đơn xin được trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải chịu 780.329 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Buộc ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền 15.606.585 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng). Bao gồm 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2021 là 1.606.585 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 28/9/2021, ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T và bà Trang Thị Ngọc H phải chịu 780.329 đồng (Bảy trăm tám mươi nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA